

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14/9/2022

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Quốc Thái Bình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trịnh Văn Thái**

2. Ông **Phan Vũ Anh Kiệt**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Công Thịnh** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Xuân** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 181/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022 về việc: “Tranh chấp ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 37/2022/QĐXX-ST ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã L và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 08 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Hồ Thị Thanh T**, sinh năm: 1992 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Khu phố 7, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Anh **Trần Hữu C**, sinh năm: 1978 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Khu phố 7, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Hồ Thị Thanh T trình bày: Chị và anh Trần Hữu C tìm hiểu, tự nguyện chung sống từ năm 2014, có đăng ký kết hôn vào ngày 04/7/2011 tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, theo giấy chứng nhận kết hôn số 76, quyền số 01/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, đời sống vợ chồng không cùng quan điểm nên thường mâu thuẫn cãi nhau, bất đồng ý kiến về nhiều vấn đề. Ngoài ra, khoảng đầu năm 2016, anh C đam mê cờ bạc, không quan tâm đến gia đình, gây nợ nần, gia đình và chị phải đứng ra trả nợ thay cho anh nhiều lần. Vợ chồng chị cũng đã hoà giải nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng không còn tôn trọng nhau, hiện

tình cảm của chị đối với anh C không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai, vợ chồng đã không còn sống chung từ năm 2020 cho đến nay, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Hữu C.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Trần Hữu C*: Anh C đã được Tòa án nhân dân thị xã L tổng đạt các văn bản tố tụng, nhưng anh Chinh không có mặt để giải quyết vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L cho rằng:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 41 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện đúng theo quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị Hồ Thị Thanh T được ly hôn với ông Trần Hữu C.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung không giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

Về án phí: Chị Hồ Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Sau khi nghe quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

- Chị Hồ Thị Thanh T nộp đơn khởi kiện về việc "Tranh chấp ly hôn" đối với anh Trần Hữu C. Bị đơn là anh Chinh có nơi cư trú tại Khu phố 7, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của chị Thảo thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- Chị Thảo có đơn xin giải quyết vắng mặt; Anh C đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Quan hệ hôn nhân:

Chị Hồ Thị Thanh T và anh Trần Hữu C tự nguyện tìm hiểu, đến với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 04/7/2011 tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, theo giấy chứng nhận kết hôn số 76, quyển số 01/2011, nên hôn nhân giữa chị Thảo và anh C là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Chị T cho rằng chị không còn tình cảm và mong muốn được ly hôn với anh C. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 08/6/2022, chị T xác nhận giữa chị và anh C đã không còn sống chung từ năm 2020 cho đến nay. Hơn nữa, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh C đến lần thứ hai nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do, thể hiện anh C không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh C, thể hiện: “...*Vợ chồng anh C và chị T có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng ý kiến, anh Chinh có chơi cờ bạc, ... hiện vợ chồng anh C, chị T không còn chung sống, việc hàn gắn là rất khó, Tòa án giải quyết vụ việc theo yêu cầu của chị T*”. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị T và anh C đã thật sự trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về ly hôn của nguyên đơn, là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Con chung: Giữa chị T và anh C không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 9, 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Hồ Thị Thanh T được ly hôn anh Trần Hữu C.

[2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Hồ Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai số 0005013, ngày 15/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L. Chị Hồ Thị Thanh T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị Hồ Thị Thanh T, anh Trần Hữu C vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- THADS thị xã L;
- Các đương sự;
- Nơi ĐKKH: UBND P. P, thị xã L;
- Lưu hồ sơ; Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Từ Quốc Thái Bình